

CÔNG TY CỔ PHẦN HTL 566
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HTL 566

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTL 566 JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HTL 566.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108473629

3. Ngày thành lập: 16/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 1, ngách 40, ngõ 358, Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 2222 147

Fax:

Email: phuongdong.thanhthuy@gmail.com. Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá).	6820
2.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
3.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
4.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
7.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
9.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
10.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
11.	Đúc sắt, thép	2431
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
14.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
15.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
16.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
17.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
20.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

21.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
25.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
27.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
28.	Xây dựng nhà để ở	4101
29.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
31.	Quảng cáo	7310
32.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
35.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: - Sản xuất nhôm từ alumin; - Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn; - Sản xuất hợp kim nhôm; - Sơ chế nhôm.	2420(Chính)
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
40.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
41.	Thu gom rác thải độc hại	3812
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
44.	Tái chế phế liệu	3830
45.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
49.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
50.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke.	5610
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
53.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
54.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
55.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
56.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Không bao gồm sửa chữa và bảo dưỡng vũ khí và quân nhu; Sửa chữa và bảo dưỡng lò phản ứng hạt nhân, loại trừ máy tách chất đồng vị.	3311
57.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
58.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
59.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
63.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Không bao gồm hoạt động đấu giá.	4610
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Trừ hợp báo.	8230
68.	Bán mô tô, xe máy	4541
69.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
72.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
73.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
74.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102
76.	Phá dỡ	4311
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
78.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
79.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

80.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
81.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Không bao gồm vàng, bạc và kim loại quý khác.	4662
82.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch	5510
84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke.	5630
85.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ THANH THỦY	Nhà số 1, ngách 40, ngõ 358, Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	122.400	1.224.000.000	34,000	012216744	
			Tổng số	122.400	1.224.000.000	34,000		
2	TRƯƠNG QUỐC HUY	Số 9/96 Chợ Hàng , Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	118.800	1.188.000.000	33,000	080790219	
			Tổng số	118.800	1.188.000.000	33,000		
3	MÃN NGỌC LONG	Xóm Đồng Phú, Xã Thanh Ninh, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	118.800	1.188.000.000	33,000	090717259	
			Tổng số	118.800	1.188.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ THANH THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/01/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012216744

Ngày cấp: 16/01/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 1, ngách 40, ngõ 358, Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 1, ngách 40, ngõ 358, Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội